

Ninh Bình, ngày 5 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất CO₂ lỏng tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm” của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Ninh Bình tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế của Ban Quản lý các KCN tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất CO₂ lỏng tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm” tại Thông báo kết quả thẩm định số 71/BQL-TB ngày 31/12/2019;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất CO₂ lỏng tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 09/KCNNB ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Ninh Bình về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo ĐTM Dự án “Nhà máy sản xuất CO₂ lỏng tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm” theo ý kiến hội đồng thẩm định họp ngày 25/12/2019;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất CO₂ lỏng tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Ninh Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau: Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Yên Khánh;
- UBND xã Khánh Phú;
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Ninh Bình;
- Lưu VP.

TC. MT_10

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Đức Cường

PHỤ LỤC

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT CO₂ LÔNG TINH KHIẾT
CÔNG SUẤT 45.000 TẤN/NĂM**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BQL ngày tháng 3 năm 2019
của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Nhà máy sản xuất CO₂ lông tinh khiết công suất 45.000 tấn/năm.

1.2. Chủ dự án

- Tên Chủ dự án: Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Ninh Bình.

- Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Ghènh, phường Yên Bình, thành phố Tam
Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Điện thoại: (0229) 3864011.

Fax: (0229) 864194

- Đại diện: Phạm Tiến Dũng

Chức vụ: Giám đốc

1.3. Địa điểm và phạm vi thực hiện dự án

Diện tích đất sử dụng cho dự án là 12.000 m² thuộc Lô CN-10, Khu công nghiệp
Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Phía Bắc: giáp đường giao thông khu công nghiệp Khánh Phú.

- Phía Nam: giáp khu đất trống khu công nghiệp Khánh Phú.

- Phía Đông: giáp Công ty Cổ phần DHA Ninh Bình.

- Phía Tây: giáp đường giao thông khu công nghiệp Khánh Phú.

1.4. Quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án

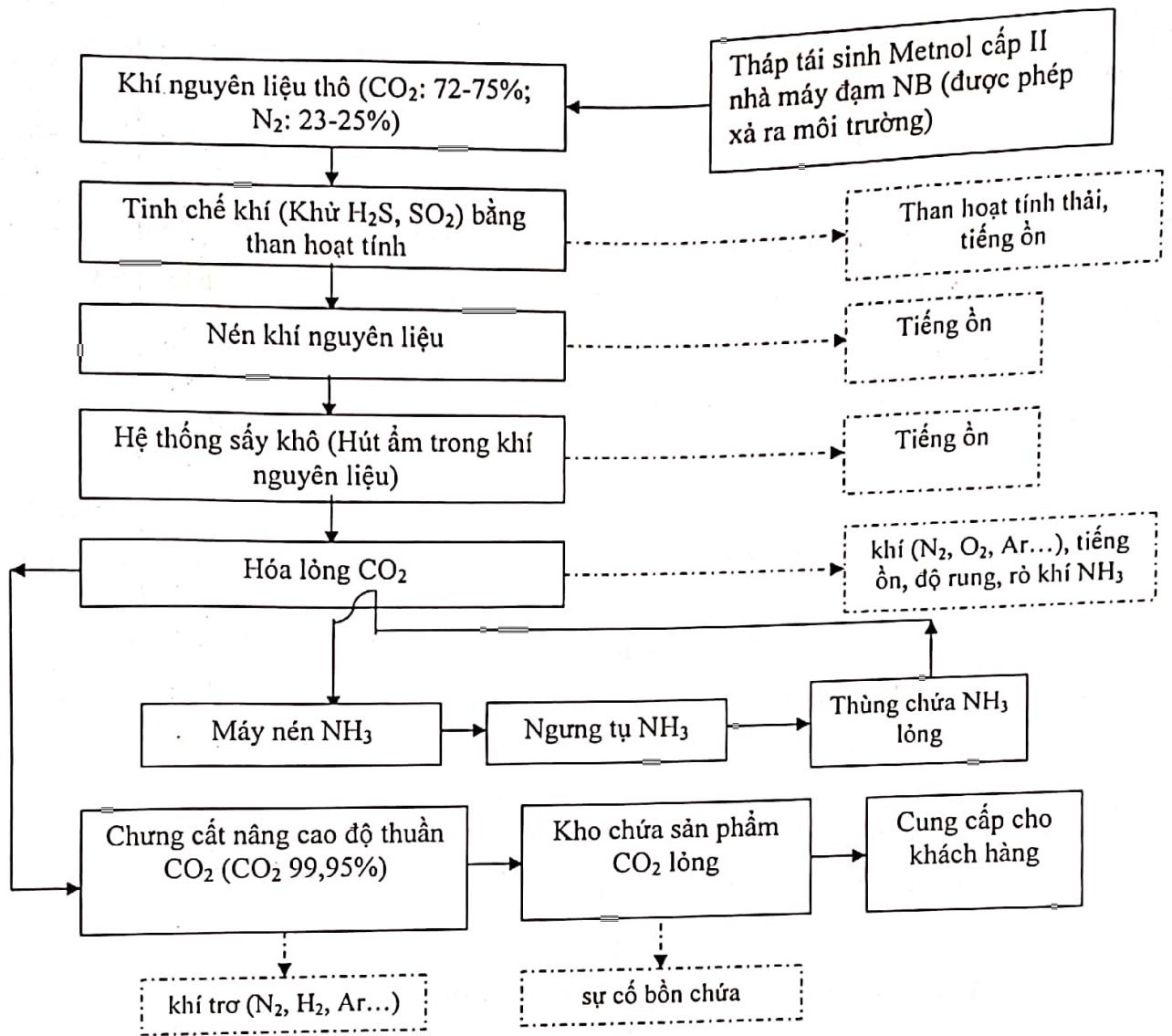
1.4.1. Quy mô, công suất của dự án

- Diện tích đất sử dụng cho dự án là 12.000 m².

- Công suất: sản xuất 45.000 tấn CO₂ lông tinh khiết/năm.

1.4.2. Công nghệ sản xuất của dự án

Công nghệ của dự án được mô tả trong sơ đồ sau:



1.5. Các hạng mục công trình của dự án

| TT | Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m ²) |
|----|-----------------------|--------------------------------------|
| 1 | Nhà văn phòng | 210,0 |
| 2 | Xưởng lớn | 1.276,0 |
| 3 | Xưởng nhỏ | 504,0 |
| 4 | Nhà ở công nhân | 190,0 |
| 5 | Trạm biến áp | 42,0 |
| 6 | Nhà thu gom chất thải | 32,0 |
| 7 | Nhà bảo vệ | 14,4 |
| 8 | Tiểu cảnh | 110,0 |
| 9 | Nhà để xe | 100,0 |

| TT | Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m ²) |
|----|---------------------|--------------------------------------|
| 10 | Sân bãi | 3.200,0 |
| 11 | Trạm cân xe tải | 48,0 |

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

2.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Tác động do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị.
- Tác động do hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt thiết bị.

- Tác động do hoạt động của công nhân trên công trường.

2.1.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn hoạt động:

- Tác động do hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Tác động từ hoạt động sản xuất khí CO₂ lỏng.
- Tác động từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động.
- Tác động do sự cố các công trình bảo vệ môi trường và dây chuyền sản xuất, sự cố trên tuyến đường ống dẫn CO₂ từ nhà máy đạm Ninh Bình về dây chuyền sản xuất, sự cố tại các công đoạn sản xuất.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải thi công phát sinh với lưu lượng: 1,0 m³/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải thi công là đất, cát xây dựng, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng: 166,7 l/s. Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt kéo theo đất cát, có độ đục tương đối cao.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng: 1,0 m³/ngày.đêm. Lượng nước thải này chứa nhiều chất cặn bã, chất lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh vật.

2.2.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh cá nhân và hoạt động ăn uống của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án với đặc trưng nguồn thải chứa các thành phần ô nhiễm sau: hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng... phát sinh với khối lượng 2,4 m³/ngày.đêm.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng: 392,2 l/s. Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt kéo theo đất cát có độ đục trung bình, dầu mỡ trên mặt bằng nhà máy.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. *Giai đoạn thi công xây dựng*: Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu xây dựng; thi công các hạng mục công trình hạ tầng, các công trình kiến trúc.

2.3.2. *Giai đoạn vận hành*: Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện giao thông; quá trình sản xuất: loại bỏ tạp chất trong CO₂ nguyên liệu, quá trình làm tinh khiết CO₂, phát sinh chủ yếu là N₂ và các khí trơ; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, khu vực lưu giữ chất thải rắn.

2.4. *Quy mô, tính chất của chất thải rắn*

2.4.1. *Giai đoạn thi công xây dựng*:

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng: 137 kg/ngày.
- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng: 15 kg/ngày.đêm.

2.4.2. *Giai đoạn vận hành*:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng: 24 kg/ngày đêm.

2.5. *Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại*

2.5.1. *Giai đoạn thi công xây dựng*: Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 20 kg/tháng, phát sinh trong 06 tháng thi công, bao gồm các loại giẻ lau dính dầu mỡ, các loại dầu mỡ rơi rớt trong giai đoạn thi công (trong đó phát sinh từ quá trình sản xuất).

2.5.2. *Giai đoạn vận hành*: Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 3.232 kg/năm, bao gồm: bóng đèn huỳnh quang (5 kg/năm), giẻ lau dính dầu thải (120kg/năm), than hoạt tính thải bỏ (trung bình 1.200 kg/năm), dầu thải (300 l/năm tương đương 255 kg/năm), thùng đựng dầu bôi trơn thải (300 kg/năm), bao bì chứa hóa chất thải (2 kg/năm).

2.6. *Quy mô, tính chất của chất thải khác*:

2.6.1. *Giai đoạn thi công xây dựng*: Độ rung, tiếng ồn từ hoạt động thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển và thi công.

2.6.2. *Giai đoạn vận hành*: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động các phương tiện giao thông, hoạt động của máy móc dây chuyền sản xuất, hoạt động trong nhà xưởng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. *Về thu gom và xử lý nước thải*:

a. *Nước mưa chảy tràn*:

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường được gom vào các hố ga thu rồi chảy vào hố ga thu nước bằng đường ống D400, D600.

- Nước mưa chảy trên các mái nhà xưởng được thu bằng các ống nhựa D110 và chảy vào hố ga.

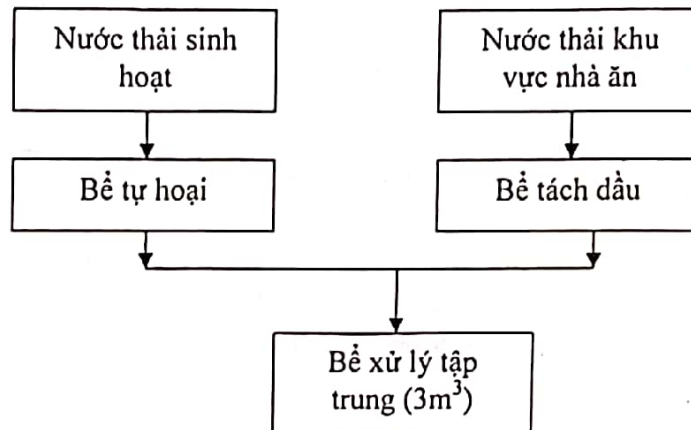
- Hệ thống rãnh thoát nước mưa được bố trí dọc theo các đường giao thông bên trong nhà máy, xung quanh các xưởng sản xuất và các công trình phụ trợ, tiết

diện hình hộp thu nước trực tiếp, các rãnh hở, dây tấm đan đục lỗ và hệ thống cống hộp và bố trí các hố ga dọc hai bên đường với kích thước trung bình giữa các hố ga 50m để thu nước.

- Nước mưa chảy tràn bố trí riêng, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Khánh Phú, Chủ dự án thực hiện thỏa thuận đầu nối và thi công điểm đầu nối với Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp Ninh Bình.

b. Nước thải sinh hoạt:

- Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại nhà máy:



** Xử lý nước thải từ khu vực nhà vệ sinh:*

- Dự án ưu tiên xây dựng nhà vệ sinh, bể tự hoại từ đầu phục vụ giai đoạn thi công và phục vụ giai đoạn vận hành.

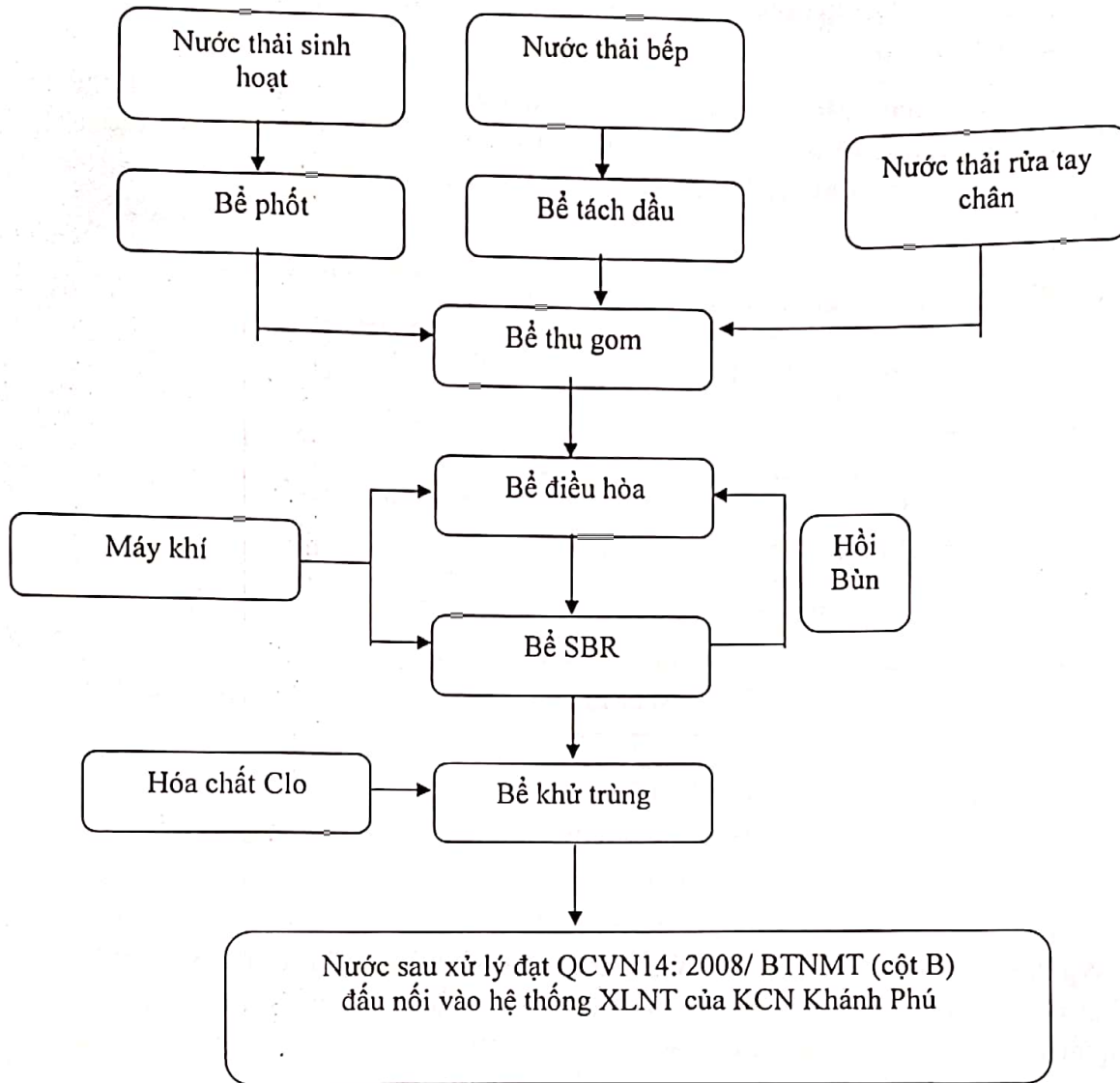
- Xây dựng 01 cụm bể tự hoại, thể tích 5,0 m³.

- Nguyên lý hoạt động bể tự hoại: Nước thải sinh hoạt được dẫn vào ngăn chứa. Tại đây, cùng với các vi khuẩn có sẵn trong chất thải và các nấm men có trong ngăn chứa, trong thời gian từ 3-6 tháng các chất thải trong nước thải sẽ bị phân hủy thành bùn và lắng dần xuống đáy bể. Các chất không phân hủy tại bể chứa và các chất lơ lửng sẽ theo nước thải chảy sang ngăn lắng. Tại đây nước thải được tiếp tục lắng. Sau đó nước thải sẽ chảy sang ngăn chứa các vật liệu lọc. Tại ngăn lọc, các chất lơ lửng được lọc tách, nước thải sau lọc được đưa ra bể điều hòa nước thải chung của toàn nhà máy.

b. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại được tiếp tục đưa đi xử lý tại bể xử lý nước thải tập trung của nhà máy với thể tích 3,0 m³/ngày.đêm theo quy trình sau:

** Quy trình xử lý nước thải như sau:*



3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

a. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động giao thông:

Đối với bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào nhà máy chủ đầu tư có các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Các phương tiện xe máy ra, vào khu vực nhà xe phải tắt máy.
- Tốc độ của các phương tiện ra vào nhà máy 20 km/h.
- Thường xuyên phun nước vỉa hè, trên các tuyến đường giao thông nội bộ, sân bê tông của nhà máy; trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.
- Các xe vận chuyển chở đúng trọng tải theo quy định, định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra; xe vận chuyển phải đảm bảo về tiêu chuẩn khí thải theo quy định.

b. Biện pháp giảm thiểu khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất:

- Khí thải của dây chuyền sau khi hóa lỏng CO₂ có các thành phần khí chủ

yếu là N₂, các khí trơ, thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN19:2009/BTNMT và QCVN20:2009/BTNMT nên đủ điều kiện xả ra môi trường.

- Bố trí ống thoát sau công đoạn hóa lỏng CO₂ và công đoạn tinh chế để xả khí ra môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Xây dựng kho chứa chất thải có diện tích 32m² được chia làm 2 khu vực riêng biệt với diện tích mỗi khu vực lần lượt là 16m², phân thành các gian chứa: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Công ty quản lý chất thải và phế liệu theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trang bị 10 thùng chứa rác (dung tích 20 lít) tại các khu vực văn phòng, xưởng sản xuất, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, hàng ngày thu gom về khu vực chứa rác thải sinh hoạt, định kỳ thuê vận chuyển đưa đi xử lý.

- Bùn thải từ bể tự hoại định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng hút đưa đi xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí 04 thùng chứa (dung tích 150 lít) tại kho chứa chất thải nguy hại, thùng chứa có dán nhãn chất thải nguy hại.

- Các chất thải được tiến hành phân loại ngay tại nguồn. Mỗi loại chất thải sẽ được lưu giữ trong một thùng riêng biệt, bên ngoài mỗi thùng chứa chất thải nguy hại có dán dấu hiệu cảnh báo theo đúng yêu cầu của TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại – dấu hiệu cảnh báo. Thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dung tích từ 50 - 200 lít, có nắp đậy.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị, trồng cây xanh xung quanh nhà máy.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động, nút chống ồn cho công nhân lao động.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a. Biện pháp phòng cháy chữa cháy:

Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại nhà máy bao gồm những thành phần cơ

bản sau: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn exit, hệ thống chữa cháy bằng nước vách tường và trụ chữa cháy ngoài nhà kết hợp với hệ thống chữa cháy Sprinkler, trang bị các bình chữa cháy cho công trình (Bình chữa cháy bằng bột tổng hợp ABC loại 4kg, bình chữa cháy bằng khí CO₂ 3kg loại MT3).

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

Công ty xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất trình Sở Công thương phê duyệt.

c. Biện pháp đối với các sự cố của hệ thống xử lý nước thải, khí thải

Thực hiện các biện pháp sau: Định kỳ vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh tắc, ứ đọng hệ thống đường ống; định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải và khí thải sau xử lý; Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách. Trường hợp hệ thống xử lý khí thải, nước thải hỏng phải tạm dừng sản xuất để tiến hành khắc phục sự cố đến khi nào công việc sửa chữa hoàn thành, xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới tiến hành sản xuất trở lại.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

Công trình và thiết bị bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án:

| TT | Công trình bảo vệ môi trường | Số lượng | Đơn vị |
|----|---|----------|----------|
| 1 | Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 3 m ³ /ngày đêm | 1 | Hệ thống |
| 2 | Xây dựng hệ thống đường ống thu gom, thoát nước mưa, nước thải xung quanh nhà máy | 1 | Hệ thống |
| 3 | Bể tự hoại | 1 | Bể |
| 4 | Hệ thống thông gió nhà xưởng | 1 | Hệ thống |
| 5 | Kho chứa chất thải 32m ² (bao gồm 2 kho chuyên biệt) | 1 | Kho |
| 6 | Thùng chứa rác sinh hoạt | 10 | Thùng |
| 7 | Thùng chứa rác thải nguy hại | 4 | Thùng |

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý Môi trường:

Chương trình quản lý môi trường được thực hiện theo 2 giai đoạn: giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành thử nghiệm, vận hành thương mại được nêu cụ thể tại Bảng 4.1, chương 4 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường:

5.2.1. Giai đoạn xây dựng:

a. *Đối với chất thải rắn:* Giám sát khối lượng, thành phần rác thải, hoạt động xử lý (theo Quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP). Tần suất: hàng ngày

b. *Đối với chất thải nguy hại:* Giám sát tình trạng khu lưu giữ chất thải nguy hại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh, hình thức phân loại và lưu giữ, lịch thu gom và biện pháp xử lý (theo QCVN 07:2009/BTNMT và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT). Tần suất: hàng ngày

c. *Chất lượng không khí:*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại cổng vào nhà máy; 01 mẫu tại công trường thi công.

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO_x.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT QCVN 24:2016/BYT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

d. *Chất lượng nước thải:*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại vị trí đầu nổi về trạm XLNT tập trung KCN Khánh Phú.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Dầu mỡ, NH₄⁺, Tổng N, Tổng P, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008 /BTNMT, cột B.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại

a. *Đối với chất thải rắn:* Giám sát khối lượng, thành phần rác thải, hoạt động xử lý (theo Quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP). Tần suất: hàng ngày

b. *Đối với chất thải nguy hại:* Giám sát tình trạng khu lưu giữ chất thải nguy hại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh, hình thức phân loại và lưu giữ, lịch thu gom và biện pháp xử lý (theo QCVN 07:2009/BTNMT và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT). Tần suất: hàng ngày.

c. *Giám sát nước thải:*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại bể thu gom nước thải của hệ thống XLNT tập trung của nhà máy, 01 mẫu tại vị trí đầu nối về trạm XLNT tập trung KCN Khánh Phú.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Dầu mỡ, NH₄⁺, Tổng N, Tổng P, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008 /BTNMT, cột B

- Tần suất giám sát:

+ Giai đoạn vận hành thử nghiệm: theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được phê duyệt.

+ Giai đoạn vận hành thương mại: 03 tháng/lần.

d. Môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn:

- Vị trí giám sát: 02 mẫu tại khu vực nhà văn phòng và khu vực dây chuyền hóa lỏng CO₂.

- Thông số giám sát: bụi, NH₃, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN06: 2013/BTNMT, QCVN 26:2010/ BTNMT.

- Tần suất giám sát:

+ Giai đoạn vận hành thử nghiệm: 01 lần.

+ Giai đoạn vận hành thương mại: 06 tháng/lần.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

- Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng, vận hành dự án.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng: Thực hiện các biện pháp có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung (Bảng 2 - Khu vực thông thường).

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng

quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 3 m³/ngày đêm, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án xử lý đạt các giá trị tại cột B, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi đầu nối về hệ thống xử lý tập trung của Khu công nghiệp Khánh Phú.

6.2. Các điều kiện kèm theo:

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu các sự cố ngập lụt, sụt lún phát sinh do việc xây dựng Dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như hoạt động của các cơ sở sản xuất xung quanh trong khu công nghiệp Khánh Phú.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị và gửi 01 bộ đến Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình để kiểm tra và giám sát.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng.

6.3. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện kèm theo và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, nổ theo quy định hiện hành.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực

hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường 2014 phải báo cáo bằng văn bản cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền./.